

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- \* **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông: Nguyễn Ánh Dương
- \* **Các Hội thẩm nhân dân:**
  1. Ông Nguyễn Quốc Sửu
  2. Ông Đào Xuân Hải
- \* **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.
- \* **Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2021, giữa các đương sự:

- \* Nguyên đơn: Chị Thân Thị Thúy N, sinh năm 2000 (có mặt)  
Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố Tân Tiến, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.  
Tạm trú: Thôn Nghĩa Thượng, xã Minh Đức, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
- \* Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1997 (vắng mặt)  
Cư trú: Tổ dân phố Tân Tiến, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 14/9/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Thân Thị Thúy N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đình T kết hôn ngày 17/12/2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh B. Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, tự

nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Sau khi kết hôn, chị và anh T về chung sống với nhau tại gia đình anh T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng anh T thường chơi bời, tụ tập, nghiện ma túy, không chịu làm ăn kinh tế, lo cho gia đình. Vợ chồng chị đã ly thân từ ngày 15/7/2020 đến nay, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Phương A, sinh ngày 23/01/2020, hiện đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị N có mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh T, ý kiến về con chung.

\* Tại bản tự khai ngày 19/4/2021, bị đơn là anh Nguyễn Đình T trình bày:

Anh kết hôn với chị Thân Thị Thúy N năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn, chị N về gia đình anh làm dâu, trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Tháng 01/2021, chị N đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh hỏi thì chị N bảo cho con về đó để đưa đi học cho gần. Anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm nên vẫn có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ. Nếu chị N kiên quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Phương A, sinh ngày 23/01/2020, hiện đang ở cùng chị N. Ly hôn, anh đồng ý để chị N tiếp tục nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 12/7/2021, ông Nguyễn Văn C (là bố đẻ anh T), ông Hoàng Trọng Q – Tổ trưởng tổ dân phố Tân Tiến cho biết: Chị Thân Thị Thúy N và anh Nguyễn Đình T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn C. Chị N kết hôn với anh T năm 2018, sau khi kết hôn vợ chồng chị N, anh T về ở với bố mẹ đẻ anh T. Quá trình chung sống, vợ chồng chị N, anh T phát sinh mâu thuẫn do anh T ham chơi, không lo làm ăn kinh tế. Chị N đã tự ý về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ từ tháng 7/2020 đến nay. Gia đình hai bên đã hòa giải cho chị N, anh T đoàn tụ nhưng không được. Chị N, anh T có 01 con chung sinh năm 2020. Khi ly hôn đề nghị giao con chung cho chị N nuôi dưỡng vì chị N đảm bảo đủ điều kiện nuôi con.

Toà án đã mở phiên hoà giải để hoà giải về quan hệ vợ chồng, tài sản, công nợ, án phí nhưng anh T đều vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố

tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Anh T không chấp hành theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 01 Điều 273 BLTTDS; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thân Thị Thúy N được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

- Về con chung: Giao cho chị Thân Thị Thúy N tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Phương A, sinh ngày 23/01/2020. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Không xem xét, giải quyết.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Thân Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với anh Nguyễn Đình T nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 22/2021/QĐ-CC TLCC ngày 14/4/2021 về việc yêu cầu anh T cung cấp toàn bộ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung, công nợ, liên quan đến tranh chấp hôn nhân và gia đình, bản tự khai trình bày quan điểm về: quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, công nợ và liên quan đến quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án cho anh Nguyễn Đình T nhưng anh T không có mặt tham gia hòa giải, xét xử và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên phải chịu hậu quả pháp lý.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Thân Thị Thúy N và anh Nguyễn Đình T xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh B, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T chơi bời, không quan tâm, chăm lo kinh tế cho gia đình. Vợ chồng đã ly thân thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa chị N, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu cho chị Thân Thị

Thúy N được ly hôn anh Nguyễn Đình T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Thân Thị Thúy N và anh Nguyễn Đình T có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Phương A, sinh ngày 23/01/2020, hiện đang ở cùng chị N. Khi giải quyết vụ án về ly hôn này cần xem xét đến quyền lợi của các bên đương sự nhất là quyền lợi mọi mặt của trẻ em.

Xét điều kiện nuôi con thấy: Chị N có thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống để nuôi con chung. Hiện tại cháu Nguyễn Hoàng Phương A đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện cháu A dưới 36 tháng tuổi, đang phát triển ổn định, bình thường. Để ổn định tâm sinh lý, điều kiện nuôi dưỡng cháu Anh, Hội đồng xét xử thấy cần giữ nguyên hiện trạng nuôi con chung của chị N như hiện nay. Giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Hoàng Phương A, sinh ngày 23/01/2020 là đảm bảo sự ổn định, phát triển về mọi mặt của cháu A và phù hợp Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình .

Anh Nguyễn Đình T không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Thân Thị Thúy N, anh Nguyễn Đình T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Chị Thân Thị Thúy N, anh Nguyễn Đình T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thân Thị Thúy N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 01 Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thân Thị Thúy N được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

2. Về con chung: Giao cho chị Thân Thị Thúy N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Hoàng Phương A, sinh ngày 23/01/2020.

Anh Nguyễn Đình T không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Thân Thị Thúy N, anh Nguyễn Đình T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Thân Thị Thúy N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0000231 ngày 12/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; Chị Thân Thị Thúy N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND thị trấn C;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Nguyễn Ánh Dương**